



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

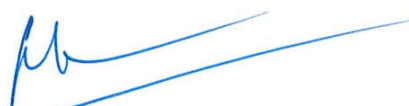
Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00315-22-1




Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.489.095.640.555	4.259.412.442.827
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	526.546.317.489	273.399.825.071
Tiền	111		26.546.317.489	23.399.825.071
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	250.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		615.000.000.000	1.515.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	615.000.000.000	1.515.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		796.680.900.597	1.746.070.169.167
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	596.982.947.813	1.516.216.346.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.625.747.058	8.843.685.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	188.166.866.953	223.166.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.076.833.407	1.014.765.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.171.494.634)	(3.171.494.634)
Hàng tồn kho	140	11(a)	500.636.692.263	696.960.373.839
Hàng tồn kho	141		582.756.079.845	792.156.224.450
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(82.119.387.582)	(95.195.850.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.231.730.206	27.982.074.750
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		839.979.895	641.851.756
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	39.130.728.472	27.340.222.994
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	10.261.021.839	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	31/12/2021	1/1/2021
	số	minh	VND	VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.959.470.526.214	2.974.291.047.185
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	140.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	-	140.000.000.000
Tài sản cố định	220		336.384.321.074	289.059.153.821
Tài sản cố định hữu hình	221	12	335.595.462.630	288.477.435.371
Nguyên giá	222		13.594.338.447.324	13.482.558.481.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.258.742.984.694)	(13.194.081.046.425)
Tài sản cố định vô hình	227	13	788.858.444	581.718.450
Nguyên giá	228		58.710.531.632	59.525.806.512
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.921.673.188)	(58.944.088.062)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.075.547.779	26.167.124.036
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	31.075.547.779	26.167.124.036
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	2.501.326.887.550	2.477.244.782.187
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.572.000.000)	(58.654.105.363)
Tài sản dài hạn khác	260		90.683.769.811	41.819.987.141
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	32.615.864.455	17.258.868.161
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	46.098.773.628	242.438.042
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	11.969.131.728	24.318.680.938
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.448.566.166.769	7.233.703.490.012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

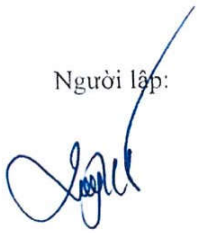
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

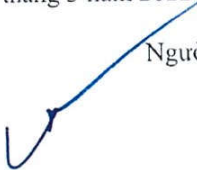
	Mã Thuyết số minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300	594.317.517.802	749.779.730.224
Nợ ngắn hạn	310	594.317.517.802	749.779.730.224
Phải trả người bán ngắn hạn	311 17	521.722.407.960	514.924.608.335
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	255.057.410	255.057.410
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	313 18(a)	2.713.893.702	88.235.854.265
Phải trả người lao động	314	32.603.354.518	77.952.975.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.558.296.935	5.688.788.408
Phải trả ngắn hạn khác	319 19	5.879.512.628	58.108.030.708
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 20	25.584.994.649	4.614.415.301
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	4.854.248.648.967	6.483.923.759.788
Vốn chủ sở hữu	410 21	4.854.248.648.967	6.483.923.759.788
Vốn cổ phần	411 22	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414	250.236.622.078	241.388.997.987
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418 24	1.201.170.155.697	910.549.826.507
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	216.187.739.296	2.145.330.803.398
- LNST chưa phân phối lũy kế			
đến cuối năm trước	421a	-	1.278.509.227.811
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	216.187.739.296	866.821.575.587
TỔNG NGUỒN VỐN	440	5.448.566.166.769	7.233.703.490.012
(440 = 300 + 400)			

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:


 Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng


 Vũ Xuân Dũng
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	3.868.169.547.310	7.929.383.128.819
Giá vốn hàng bán	11	27	4.101.719.921.770	6.920.070.149.562
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(233.550.374.460)	1.009.312.979.257
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	452.375.776.029	286.815.236.538
Chi phí tài chính	22	29	(24.082.105.363)	6.632.011.758
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.803.369.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	86.738.774.829	80.938.315.202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		156.168.732.103	1.208.557.888.835
Thu nhập khác	31	31	70.102.811.958	3.305.646.486
Chi phí khác	32	32	48.997.176.801	1.215.574.971
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		21.105.635.157	2.090.071.515
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		177.274.367.260	1.210.647.960.350
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	6.942.963.550	199.854.253.905
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(45.856.335.586)	(242.438.042)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		216.187.739.296	1.011.036.144.487
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	674	3.153

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Xuân Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	177.274.367.260	1.210.647.960.350
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	58.579.408.413	37.530.818.328
Các khoản dự phòng	03	(37.506.202.848)	(9.088.694.082)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(452.791.942.909)	(286.815.236.538)
Chi phí lãi vay	06	-	2.803.369.736
Các khoản điều chỉnh khác	07	(65.622.537.750)	-
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(320.066.907.834)	955.078.217.794
Biến động các khoản phải thu	09	851.541.117.966	444.274.337.714
Biến động hàng tồn kho	10	222.097.328.271	(32.582.186.324)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(64.106.090.138)	(209.383.791.738)
Biến động chi phí trả trước	12	(15.555.124.433)	(8.903.284.894)
		673.910.323.832	1.148.483.292.552
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.913.923.714)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(97.729.802.883)	(182.258.099.186)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(45.558.732.571)	(59.522.573.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	530.621.788.378	903.788.696.010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.990.702.699)	(50.006.587.776)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	416.166.880	-
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(1.411.000.000.000)	(2.000.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	2.486.000.000.000	1.580.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	493.172.399.316	334.539.627.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.552.597.863.497	(135.466.960.045)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	2.105.766.198.169
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.232.319.848.977)
Tiền trả cổ tức	36	(1.830.073.159.457)	(608.995.858.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.830.073.159.457)	(735.549.509.699)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	253.146.492.418	32.772.226.266
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	273.399.825.071	240.627.598.805
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	526.546.317.489	273.399.825.071

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này